

Họ tên :

Lớp :

Mã đề 001

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

MÔN GDKT & PL

Lưu ý:

- Ghi đầy đủ các mục, giữ phiếu phẳng
- Bôi đen đáp án tương ứng với số câu trong đề
- Bài kiểm tra được chấm bằng máy, học sinh tô đậm, vừa khít với ô tròn giới hạn. **TUYỆT ĐỐI** không được sửa chữa đáp án.

SỐ PHÁCH

SỐ BÁO DANH

MÃ ĐỀ

0	0	0	0	0	0
1	1	1	1	1	1
2	2	2	2	2	2
3	3	3	3	3	3
4	4	4	4	4	4
5	5	5	5	5	5
6	6	6	6	6	6
7	7	7	7	7	7
8	8	8	8	8	8
9	9	9	9	9	9

MÃ ĐỀ

0	0	0
1	1	1
2	2	2
3	3	3
4	4	4
5	5	5
6	6	6
7	7	7
8	8	8
9	9	9

TỔ KÍN SỐ BÁO DANH VÀ MÃ ĐỀ

A B C D

11	○	○	○	○
12	○	○	○	○
13	○	○	○	○
14	○	○	○	○
15	○	○	○	○
16	○	○	○	○
17	○	○	○	○
18	○	○	○	○
19	○	○	○	○
20	○	○	○	○

A B C D

21	○	○	○	○
22	○	○	○	○
23	○	○	○	○
24	○	○	○	○
25	○	○	○	○
26	○	○	○	○
27	○	○	○	○
28	○	○	○	○
29	○	○	○	○
30	○	○	○	○

A B C D

1	○	○	○	○
2	○	○	○	○
3	○	○	○	○
4	○	○	○	○
5	○	○	○	○
6	○	○	○	○
7	○	○	○	○
8	○	○	○	○
9	○	○	○	○
10	○	○	○	○

A B C D

31	○	○	○	○
32	○	○	○	○
33	○	○	○	○
34	○	○	○	○
35	○	○	○	○
36	○	○	○	○
37	○	○	○	○
38	○	○	○	○
39	○	○	○	○
40	○	○	○	○

Câu 1: Trong nền kinh tế, khi lạm phát ở mức độ vừa phải thì giá cả hàng hóa, dịch vụ thường tăng ở mức độ

A. một con số.

B. hai con số trở lên.

C. không đáng kể.

D. không xác định

Câu 2: Khi người lao động trong độ tuổi lao động, có khả năng lao động, muốn làm việc nhưng không thể tìm được việc làm ở mức lương thịnh hành khi đó người lao động đó đang

A. hướng nghiệp.

B. mất nghiệp.

C. thất nghiệp.

D. tự tin.

Câu 3: Loại hình thất nghiệp gắn liền với sự biến động cơ cấu kinh tế và sự thay đổi của công nghệ dẫn đến yêu cầu lao động có trình độ cao hơn, lao động không đáp ứng yêu cầu sẽ bị đào thải là hình thức thất nghiệp

A. cơ cấu.

B. tạm thời.

C. tự nguyện.

D. chu kỳ.

Câu 4: Là sự thỏa thuận giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động về tiền công, tiền lương và các điều kiện làm việc khác là nội dung của khái niệm thị trường

A. lao động.

B. tài chính.

C. tiền tệ.

D. công nghệ

Câu 5: Khi tham gia vào thị trường lao động, người bán sức lao động và người mua sức lao động thỏa thuận nội dung nào dưới đây?

A. Tiền công, tiền lương.

C. Điều kiện xuất khẩu lao động.

B. Điều kiện đi nước ngoài.

D. Tiền môi giới lao động.

Câu 6: Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà pháp luật

A. bắt buộc.

B. cấm.

C. không cấm.

D. quy định.

Câu 7: Một trong những đặc điểm của ý tưởng kinh doanh là ý tưởng đó phải có

A. tính phi lợi nhuận.

B. tính sáng tạo.

C. tính nhân đạo.

D. tính xã hội.

Câu 8: Việc xây dựng ý tưởng kinh doanh **không** xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

A. đam mê.

B. hiểu biết.

C. lợi thế.

D. Bệnh lý.

Câu 9: Nội dung nào sau đây **không** thể hiện vai trò kiểm soát và kiềm chế lạm phát của nhà nước?

A. Cắt giảm chi tiêu công.

B. Giảm lãi suất tiền gửi.

C. Chống đầu cơ tích trữ hàng hóa.

D. Giảm mức cung tiền tệ.

Câu 10: Yếu tố nào sau đây **không** làm cho lạm phát tăng lên?

A. Giá cả hàng hóa đầu vào tăng.

B. Ngân hàng bơm thêm tiền ra thị trường.

C. giá cả hàng hóa thiết yếu tăng.

D. Hoạt động xuất khẩu tăng mạnh.

Câu 11: Yếu tố nào sau đây cấu thành thị trường lao động?

A. Người lao động và người sử dụng lao động.

B. Cung, cầu và giá cả sức lao động.

C. Lao động và giá cả sức lao động.

D. Cung, cầu lao động trên thị trường.

Câu 12: Khi tham gia vào thị trường lao động, người bán sức lao động còn có thể gọi là

A. cung về sức lao động.

B. cầu về sức lao động.

C. giá cả sức lao động.

D. tiền tệ sức lao động.

Câu 13: Nội dung nào dưới đây **không** phải là nguyên nhân dẫn đến lạm phát?

A. Giá cả hàng hóa tăng lên.

B. Chi phí sản xuất tăng lên.

C. Cầu có xu hướng tăng lên.

D. Thu nhập người dân tăng.

Câu 14: Nguyên nhân nào dưới đây là nguyên nhân chủ quan dẫn đến người lao động có nguy cơ lâm vào tình trạng thất nghiệp?

A. Do cơ sở kinh doanh đóng cửa.

B. Mất cân đối cung cầu lao động.

C. Bị kỷ luật do vi phạm hợp đồng.

D. Nền kinh tế rơi vào khủng hoảng.

Câu 15: Trong bối cảnh nền kinh tế nước ta hiện nay, xu hướng tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp có nhiều thay đổi, trong đó lực lượng lao động nào dưới đây chiếm ưu thế trong tuyển dụng?

A. Lao động đã qua đào tạo.

B. Lao động không qua đào tạo.

C. Lao động giản đơn.

D. lao động có trình độ thấp.

Câu 16: Anh M là kỹ sư nông nghiệp từng làm việc ở công ty xuất khẩu nông sản tại tỉnh H, Do hoàn cảnh gia đình, anh phải chuyển về thành phố để sinh sống và chưa tìm được việc làm đúng chuyên môn. Nếu xét về loại hình thất nghiệp anh thuộc loại thất nghiệp nào sau đây?

A. Thất nghiệp chu kỳ.

B. Thất nghiệp tạm thời.

C. Thất nghiệp cơ cấu.

D. Thất nghiệp tự nguyện.

Câu 17: Em **không** đồng tình với quan điểm nào sau đây?

A. Ý tưởng kinh doanh tốt là đáp ứng được yêu cầu của thị trường.

B. Ý tưởng kinh doanh tốt là phải mang lại giá trị lợi nhuận.

C. Cơ hội kinh doanh là phải do điều kiện khách quan đem đến.

D. Cơ hội kinh doanh là những điều kiện thuận lợi nên cần nắm bắt.

Câu 18: Kinh tế suy thoái, hàng hóa sản xuất ra không bán được, công ty phải thu hẹp sản xuất dẫn đến chị Q bị mất việc làm. Theo em chị Q thuộc loại thất nghiệp nào sau đây?

A. Thất nghiệp chu kỳ.

B. Thất nghiệp tạm thời.

C. Thất nghiệp cơ cấu.

D. Thất nghiệp tự nguyện.

Câu 19: Nguyên nhân nào sau đây là nguyên nhân khách quan gây ra tình trạng thất nghiệp?

A. Bị công ty kỷ luật sa thải.

B. Máy móc thay thế sức lao động.

C. Thiếu kỹ năng chuyên môn.

D. Không hài lòng với mức lương.

Câu 20: Em **không** đồng tình với quan điểm nào sau đây?

A. Người làm giúp việc cho một gia đình được coi là người có việc làm.

B. Nhu cầu tuyển dụng lao động chỉ tăng vào dịp cuối năm.

C. Để tăng hiệu quả lao động doanh nghiệp nên có chế độ đãi ngộ cho công nhân.

D. Các cơ quan chức năng phải chia sẻ nguồn dữ liệu về cung - cầu lao động.

Câu 21: Em đồng ý với quan điểm nào sau đây?

A. Người không có trình độ chuyên môn cao mới bị thất nghiệp.

B. Người lao động giữ vai trò quan trọng trong giải quyết thất nghiệp.

C. Trung tâm dịch vụ việc làm phải có trách nhiệm tìm việc cho người lao động.

D. Muốn có việc làm chỉ cần có trình độ chuyên môn cao là đủ.

Câu 22: Thị trường lao động là nơi thực hiện các quan hệ xã hội giữa người bán sức lao động và người mua sức lao động thông qua hình thức thỏa thuận về

A. trợ cấp.

B. phụ cấp.

C. tiền công.

D. phụ phí.

Câu 23: Xu hướng tuyển dụng lao động nào sau đây của thị trường sẽ trở nên yếu thế trong tuyển dụng?

A. Lao động trên nền tảng công nghệ.

B. Nghề nghiệp gắn với kỹ năng mềm.

C. Lao động giản đơn.

D. Lao động "phi chính thức".

Câu 24: Các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh của chủ thể sản xuất kinh doanh xuất phát từ yếu tố nào dưới đây?

A. Lợi thế nội tại và cơ hội bên ngoài.

B. Chỉ cần có nội lực là được.

C. Sự mâu thuẫn của chủ thể sản xuất.

D. Thách thức và thời cơ bên ngoài.

Câu 25: Một ý tưởng kinh doanh thành công khi ý tưởng đó có thể mang lại

A. địa vị.

B. lợi nhuận.

C. quyền lực.

D. hợp tác.

Câu 26: Khi có được những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để chủ thể kinh tế thực hiện được mục tiêu kinh doanh của mình nhằm thu lợi nhuận đó là

A. ý tưởng kinh doanh.

B. cơ hội kinh doanh.

C. mục tiêu kinh doanh.

D. chiến lược kinh doanh.

Câu 27: Để đánh giá tính khả thi của một cơ hội kinh doanh, người ta **không** căn cứ vào tiêu chí nào dưới đây?

A. Tính bền vững.

B. Tính hiệu quả.

C. Tính khả thi.

D. Tính phổ biến.

Câu 28: Nội dung nào dưới đây phản ánh tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh?

A. Định hướng cơ quan quản lý nhà nước.

B. Định hướng chủ thể sản xuất.

C. Định hướng lạm phát và thất nghiệp.

D. Định hướng lao động và việc làm.

Câu 29: Chỉ số giá tiêu dùng được viết tắt là

A. CPI.

B. GNP.

C. GDP.

D. HDI.

Câu 30: Căn cứ vào tỉ lệ lạm phát, mức độ tăng của giá cả ở hai con số trở lên hàng năm được gọi là tình trạng

A. lạm phát phi mã.

B. lạm phát vừa phải.

C. siêu lạm phát.

D. lạm phát nghiêm trọng.

Câu 31: Trong điều kiện lạm phát thấp

A. giá cả thay đổi chậm, nền kinh tế được coi là ổn định.

B. giá cả thay đổi nhanh chóng, nền kinh tế cơ bản ổn định.

C. đồng tiền mất giá một cách nhanh chóng, lãi suất thực tế giảm.

D. đồng tiền mất giá một cách nghiêm trọng, nền kinh tế khủng hoảng.

Câu 32: Ở Việt Nam, cuối năm 2010, lạm phát 2 con số kéo dài 13 tháng đến tháng 10 năm 2011 khiến chỉ số giá tiêu dùng tăng 11,75% năm 2010 và 18,3% năm 2011. Thông tin này phản ánh tình trạng lạm phát ở Việt Nam giai đoạn 2010 – 2011 là

A. lạm phát vừa phải.

B. lạm phát phi mã.

C. siêu lạm phát.

D. lạm phát nghiêm trọng.

Câu 33: Để khắc phục tình trạng lạm phát do chi phí đẩy, nhà nước **không** ban hành chính sách nào sau đây?

A. Tăng lãi suất tiền gửi.

B. Cắt giảm chi tiêu công.

C. Giảm mức cung tiền.

D. Tăng thuế giá trị gia tăng.

Câu 34: Nhận định nào sau đây **đúng** khi bàn về vấn đề lạm phát?

A. Giá cả một vài hàng hóa tăng chứng tỏ nền kinh tế đang lạm phát.

B. Trong thời kì lạm phát tăng cao, người gửi tiền tiết kiệm sẽ bị thiệt.

C. Tình trạng lạm phát luôn tác động tiêu cực đến nền kinh tế đất nước.

D. Tình trạng lạm phát không ảnh hưởng gì đến đời sống của người dân.

Câu 35: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến lạm phát?

A. Chi phí sản xuất tăng cao.

C. Chi phí sản xuất giảm mạnh.

B. Tổng cầu của nền kinh tế tăng.

D. Thừa tiền trong lưu thông.

Câu 36: Nội dung nào sau đây **không** thể hiện hậu quả của lạm phát?

A. Khủng hoảng kinh tế.

B. Nhiễu loạn thị trường.

B. Kích thích sản xuất.

D. Thất nghiệp gia tăng.

Câu 37: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng lợi thế nội tại giúp hình thành ý tưởng kinh doanh?

A. Chính sách vĩ mô của nhà nước.

C. Lợi thế về nguồn cung ứng sản phẩm.

B. Nhu cầu sản phẩm trên thị trường.

D. **Đam mê, hiểu biết của chủ thể kinh doanh.**

Câu 38: Có nhiều dấu hiệu nhận diện một ý tưởng kinh doanh tốt, ngoại trừ dấu hiệu nào dưới đây?

A. Tính vượt trội.

C. Tính mới mẻ, độc đáo.

B. Lợi thế cạnh tranh cao.

D. **Tính trừu tượng.**

Câu 39: Ông V trợ lý văn phòng tại công ty du lịch đã 22 năm công tác, Do tác động của dịch covid 19, ngành du lịch đóng băng không có việc làm, thu nhập, hiện tại ông đang đi tìm được việc làm mới phù hợp với chuyên môn. Con trai lớn của ông là anh K cũng vừa rơi vào tình trạng thất nghiệp sau 3 năm làm việc do robot thay thế sức lao động. Chị L con dâu của ông thì cũng đang chưa tìm được việc làm phù hợp với đúng chuyên môn do nhu cầu về ngành đào tạo của cô đang dư thừa. Cô con gái út của ông tên P thì mới chuyển vào **sinh sống** cùng gia đình chồng ở miền Trung nên cũng chưa tìm được việc làm. Em hãy cho biết người nào sau đây thuộc loại thất nghiệp cơ cấu ?

A. Ông V, chị P.

C. Ông V và Chị L.

B. **Anh K và chị L.**

D. Anh K và chị P.

Câu 40: Anh H và anh T đọc thông tin niêm yết tuyển dụng của công ty thương mại và kinh doanh du lịch Q thông báo tuyển 25 lao động cho các vị trí việc làm như thu ngân, đóng gói, kiểm kê, giao hàng,... ưu tiên tuyển dụng những người có độ tuổi từ 18 đến 25 tuổi, sức khỏe tốt, nhiệt tình với mức lương từ 5 -7 triệu đồng/tháng, tùy vào vị trí việc làm. Nhận thấy mình có đủ điều kiện, hai anh đã đăng kí dự tuyển. Vậy hai anh đã tham gia vào thị trường nào sau đây?

A. **Thị trường lao động.**

C. Thị trường công việc.

B. Thị trường việc làm.

D. Thị trường tuyển dụng.